

Số: 374 /QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 12 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố 01 thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực trồng trọt thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Bến Tre

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 5174/QĐ-BNN-VP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực Lâm nghiệp và Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Bến Tre;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 320/TTr-SNN ngày 30 tháng 01 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 01 thủ tục hành chính nội bộ trong lĩnh vực trồng trọt thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Bến Tre (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Các PCVP.UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- UBND các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Phòng KSTT, KT, TTPVHCC;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, PVN.



Trần Ngọc Tam



Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẾN TRE
(Kèm theo Quyết định số 374 /QĐ-UBND ngày tháng 02 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

Danh mục thủ tục hành chính nội bộ

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
	Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn xã	Trồng trọt	Ủy ban nhân dân cấp xã



Phụ lục II
NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẾN TRE

(Kèm theo Quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

LĨNH VỰC: TRỒNG TRỌT

Thủ tục: Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn xã

1.1. Trình tự thực hiện:

Căn cứ Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt và nhu cầu chuyển đổi của người sử dụng đất trồng lúa; Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Kế hoạch chuyển đổi trên địa bàn xã trước ngày 30/12 năm trước của năm kế hoạch theo mẫu Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Bến Tre.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ (01 bộ): Dự thảo Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa.

1.4. Thời hạn giải quyết: Trước ngày 30/12 năm trước của năm kế hoạch.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa theo Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

1.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

Phụ lục III**MẪU KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI
TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA CẤP XÃ***(Kèm theo Nghị định số .../2024/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2024 của Chính phủ)***ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số .../KH ...

....., ngày ... tháng ... năm ...

**KẾ HOẠCH
CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI TRÊN ĐẤT TRỒNG
LÚA NĂM ...***Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;**Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Ủy ban nhân dân huyện/thành phố/thị xã ... về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm ...**Căn cứ vào nhu cầu của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã/phường/thị trấn;**Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm, trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa năm như sau:*

... chuyển đổi thủy sản trên đất trồng lúa năm như sau.

STT	Loại cây trồng/ thủy sản chuyển đổi	Diện tích đất lúa được chuyển đổi (ha)				Thời gian chuyển đổi	Số thửa	Tờ bản đồ số	
		Tổng diện tích	Đất chuyên lúa	Đất trồng lúa còn lại					
				Đất lúa 01 vụ	Đất lúa nuơng				
I	Trồng cây hàng năm								
	...								
II	Trồng cây lâu năm								
	...								
III	Trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản								
	...								